

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2022

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Hoàng Hải Yên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế: Bà Phan Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (số 60 N, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 396/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022; về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Nguyễn L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh T - có mặt.

- Bị đơn: Chị Đoàn Thị X, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh T - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Huế, nguyên đơn anh Lê Nguyễn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đoàn Thị X tự nguyện kết hôn vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh T vào ngày 17/10/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng hay xảy ra cãi vã dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Mặc dù cùng chung sống trong một gia đình nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị X.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh L và chị X có ba con chung, đăng ký khai sinh tên là Lê Đoàn Minh C, sinh ngày 04/02/2012, Lê Đoàn

Trần C, sinh ngày 18/4/2015 và Lê Đoàn Hoài A, sinh ngày 29/3/2019, hiện cả ba cháu đang ở với anh L và chị X. Anh L có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác nhận quá trình chung sống, vợ chồng anh và chị X không có tài sản chung và không có nợ chung. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án bị đơn chị Đoàn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị X thống nhất về quá trình đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn như phần trình bày của anh L. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị X cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2021 đến nay, chị X cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nay anh L có đơn xin ly hôn thì chị X cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị X thừa nhận vợ chồng chị có ba con chung, đăng ký khai sinh tên là Lê Đoàn Minh C, sinh ngày 04/02/2012, Lê Đoàn Trần C, sinh ngày 18/4/2015 và Lê Đoàn Hoài A, sinh ngày 29/3/2019, hiện cả ba cháu đang ở với anh L và chị X. Chị X có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con cả ba cháu mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị X cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa, anh L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của mình là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh được ly hôn chị X; Về việc nuôi dưỡng con chung: Anh L xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cả ba con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Về phía chị X đồng ý ly hôn anh L; Về con chung, chị đồng ý giao hai con chung là Lê Đoàn Minh C và Lê Đoàn Trần C cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Đoàn Hoài A đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung, cả hai bên không có yêu cầu.

Về kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Nguyễn L đối với chị Đoàn Thị X.

- Về con chung: Giao cháu Lê Đoàn Minh C, sinh ngày 04/02/2012 và Lê Đoàn Trần C, sinh ngày 18/4/2015 cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo

dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Lê Đoàn Hoài A, sinh ngày 29/3/2019 cho chị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị X cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

-Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Nguyễn L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị Đoàn Thị X có địa chỉ cư trú tại thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh T. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị X tự nguyện kết hôn vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh T vào ngày 17/10/2011. Hôn nhân của anh L và chị X là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh L và chị X thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, xung đột lẫn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hiện nay hai người đã sống ly thân và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, mỗi người có một cuộc sống riêng nên không thể hàn gắn, đoàn tụ được nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn chị X để ổn định cuộc sống.

Về phía bị đơn chị Đoàn Thị X, trong quá trình giải quyết vụ án, chị X thừa nhận vợ chồng chị cũng có nhiều mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Bản thân chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, nhưng phía anh L không đồng ý và kiên quyết xin ly hôn nên chị cũng đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh L, chị X chính quyền địa phương nơi anh L và chị X cư trú cho biết việc vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương có hòa giải, khuyên can nhưng không có kết quả.

Từ những lý do trên cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh Lê Nguyễn L và chị Đoàn Thị X mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh L yêu cầu được ly hôn chị X và chị X cũng đồng ý nên cần được chấp nhận.

2.2 Về con chung: Trong quá trình chung sống anh L, chị X có ba con chung đăng ký khai sinh tên Lê Đoàn Minh C, sinh ngày 04/02/2012, Lê Đoàn Trân C, sinh ngày 18/4/2015 và Lê Đoàn Hoài A, sinh ngày 29/3/2019, hiện cả ba con chung đang sinh sống cùng anh L, chị X. Anh L yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho anh

được trực tiếp nuôi cả ba con và không yêu cầu chị X cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị X cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi cả ba con và yêu cầu anh L cấp dưỡng cho ba cháu mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Tại bản tự khai của cháu Lê Đoàn Minh C và Lê Đoàn Trân C ghi nhận nguyện vọng của các cháu là sau khi ba mẹ ly hôn xin được tiếp tục sống với anh L và bà nội (tức là mẹ của anh L).

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cả hai cháu Minh Châu và Trân Châu đều đã trên 7 tuổi, các cháu đã sống và học tập ổn định tại thôn Bằng Lăng, xã Thủy Bằng, thành phố Huế và xem xét nguyện vọng của hai cháu Minh Châu và Trân Châu mong muốn được tiếp tục sống cùng anh L và bà nội là mẹ của anh L. Riêng cháu Lê Đoàn Hoài A còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh L và chị X, giao cháu Lê Đoàn Minh C và Lê Đoàn Trân C cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Lê Đoàn Hoài A cho chị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định tại phần trên (Mục 2.2), Hội đồng xét xử giao cho anh L trực tiếp nuôi hai cháu Minh Châu và Trân Châu là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của hai cháu. Giao cho chị X trực tiếp nuôi cháu Lê Đoàn Hoài A. Tại phiên tòa, hai bên đều không có yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh L và chị X xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không ai có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của anh Lê Nguyễn L được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Nguyễn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Nguyễn L được ly hôn chị Đoàn Thị X.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Đoàn Minh C, sinh ngày 04/02/2012 và Lê Đoàn Trân C, sinh ngày 18/4/2015 cho anh Lê Nguyễn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Lê

Đoàn Hoài A, sinh ngày 29/3/2019 cho chị Đoàn Thị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Nguyễn L và chị Đoàn Thị X không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị X cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê Nguyễn L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0003420 ngày 15/6/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Huế.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát NDTp H;
- Tòa án ND tỉnh T;
- Chi cục THADS Tp H;
- UBND xã T, TP H;
- Số ĐKKH 78 ngày 17/10/2011;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phương Dung

